



TÌNH HÌNH CÁC GIAI TẦNG TRONG QUÁ TRÌNH THỐNG NHẤT NƯỚC ĐỨC 1848–1871

Nguyễn Mậu Hùng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Liên bang Đức 1815–1866 là một tập hợp của các nhà nước độc lập và có chủ quyền riêng biệt. Sự tồn tại của các nhà nước này chính là nguồn gốc của vấn đề nước Đức thế kỷ XIX và đối tượng của quá trình thống nhất nước Đức 1848–1871. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng các nhà nước này không phải của tất cả các thành viên cộng đồng. Chính xác hơn, đó là các công cụ chính trị của giới quý tộc phong kiến được dùng để cai trị cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu và một giải pháp quốc tế của các cường quốc châu Âu tại Hội nghị Viên năm 1815 nhằm duy trì hòa bình và đảm bảo an ninh ở Trung Âu. Giới quý tộc phong kiến nói chung và các vương triều phong kiến nói riêng, vì thế, cũng chính là lực cản của quá trình tiến lên hiện đại của nước Đức giữa thế kỷ XIX. Trong hoàn cảnh như thế, thông thường giai cấp tư sản là người lãnh đạo quá trình hiện đại hoá dân tộc với sự ủng hộ hết mình của quần chúng lao khổ, nhưng ở nước Đức, đối tượng của vấn đề nước Đức cũng chính là chìa khoá của quá trình thống nhất nước này những năm 1848–1871.

Từ khóa: bối cảnh xã hội, giai cấp tư sản, giới quý tộc phong kiến, hiện đại hóa dân tộc, Liên bang Đức 1815–1866.

1. Đặt vấn đề

Nước Đức giữa thế kỷ XIX trải qua nhiều biến chuyển hết sức cơ bản trên gần như tất cả các phương diện dẫn đến sự thay đổi của cấu trúc xã hội của nước này. Mặc dù các giai cấp truyền thống vẫn còn tồn tại dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau nhưng về cơ bản không biến mất hoàn toàn. Cùng lúc đó xuất hiện thêm một số giai cấp mới cùng với quá trình phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất bắt đầu trong những năm 1840. Các mâu thuẫn lợi ích mang tính đối kháng đến mức không thể điều hoà được giữa hai lực lượng xã hội đối lập không đội trời chung thông thường là căn nguyên sâu xa của các cuộc cách mạng xã hội làm nền tảng cho quá trình hiện đại hoá cấu trúc xã hội của các cường quốc phương Tây. Tuy nhiên, nước Đức thế kỷ XIX trải qua một con đường phát triển tương đối khác biệt. Mâu thuẫn xã hội ở nước Đức đương thời không gay gắt đến mức cần một cuộc cách mạng như ở nước Pháp năm 1789. Áp lực ngoại bang ở nước Đức giữa thế kỷ XIX cũng không nặng nề đến mức cần một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc như ở nước Mỹ cuối thế kỷ XVIII. Hoàn cảnh

*Liên hệ: nguyenmauhung@quangbinh.edu.vn

Nhận bài: 08-12-2018; Hoàn thành phản biện: 14-02-2019; Ngày nhận đăng: 11-12-2019

của nước Đức cũng không yên bình đến mức chỉ cần một cuộc cải cách để tiến lên hiện đại như ở Nhật Bản. Tất cả được đúc kết lại trong các cuộc chiến tranh quân sự với bên ngoài để giải quyết vấn đề thống nhất bên trong. Đó chính là con đường đặc biệt của nước Đức giữa thế kỷ XIX được tạo nên một phần bởi bối cảnh xã hội của nước này cũng như những tác động không thể ngăn cản của các xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới. Đây là một vấn đề ít nhiều đã được nghiên cứu dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau trên thế giới, đặc biệt là ở các nước nói tiếng Đức, thế giới nói tiếng Anh và cả hệ thống các nước nói tiếng Pháp. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức ở Việt Nam. Chính vì thế, trên cơ sở phân tích các tư liệu gốc và tài liệu thứ cấp thuộc nhiều nguồn gốc ngôn ngữ khác nhau cũng như sử dụng các phương pháp chuyên ngành và liên ngành như phương pháp logic và lịch sử, phương pháp định lượng, định tính, so sánh, đối chiếu, khái quát hóa, quy nạp và tổng hợp, bài viết cung cấp một góc nhìn mới về các mối liên hệ hữu cơ và những tác động qua lại lẫn nhau giữa bối cảnh xã hội và các diễn tiến cách mạng trên con đường tiến lên hiện đại của cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu giữa thế kỷ XIX nói chung và quá trình thống nhất nước Đức 1848–1871 nói riêng.

2. Bối cảnh xã hội

2.1. Giai cấp nông dân

Cho đến giữa thế kỷ XIX, Liên bang Đức 1815–1866 về cơ bản vẫn là một nhà nước nông nghiệp và nông dân chiếm đa số trong thành phần dân cư. Năm 1786, tổng số dân của người Đức trong Đế quốc Thần thánh La Mã đã đạt con số 26 triệu người, chỉ đứng sau Đế chế Ottoman trong số các nhà nước ở châu Âu đương thời [5, Tr. 9]. Năm 1800, Pháp dẫn đầu dân số châu Âu với 26,9 triệu người, Đế quốc Thần thánh La Mã đứng thứ hai với 24,5 triệu người. Đến năm 1850, dân số của nước Pháp tăng lên 36,5 triệu người, dân số của Đức đã đạt 31,7 triệu người [8, Tr. 61]. Dân số của nước Đức tăng từ 21 triệu năm 1780 lên đến 23 triệu năm 1800, 28 triệu năm 1825 và 35 triệu giữa thế kỷ XIX [2, Tr. 17]. Tuy nhiên, từ khoảng năm 1800 [3, Tr. 7–27] đến nửa đầu thế kỷ XIX, hơn 80% dân số Đức vẫn sống ở các vùng nông thôn [2, Tr. 1]. Năm 1840, hơn 85% dân số Công quốc Nassau vẫn sống trong các đơn vị hành chính địa phương ít hơn 2.000 người [6, Tr. 303]. Con số này giảm xuống còn 83% năm 1847 [2, Tr. 26]. Trong khi đó, chỉ có 15% dân số Anh sống trong các thành phố năm 1750, nhưng đến năm 1880, con số này đã tăng lên 80% [22, Tr. 14].

Trong những năm diễn ra cuộc Cách mạng 1848–1849, vẫn có đến hơn 75% cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu sống trong các ngôi làng hẻo lánh [13, Tr. 78]. Hơn một nửa lực lượng lao động của Công quốc Nassau làm việc trong các ngành sản xuất nông nghiệp năm 1842 [15, Tr. 57]. Trong những năm diễn ra cuộc Cách mạng 1848–1849, 257.347 trung nông có sản xuất nông nghiệp riêng với bốn hoặc ít nhất hai con ngựa và có từ 240 đến 250 Morgen

đất đai và có thể được xếp vào hạng thợ thủ công. Cùng lúc đó, 314.533 tiểu nông với một hoặc hai con ngựa sở hữu khoảng 50 Morgen có thể được xếp vào hạng công nhân. Trong bức tranh chung này, điều kiện sống của hàng ngàn thợ làm công ăn lương hàng ngày và các công nhân nông nghiệp khác thực sự là một thảm họa [16, Tr. 14] ở Vương quốc Phổ. Trong khi đó, giá cả bánh mì ở Usingen ngày 21 tháng 7 năm 1848 là 4 bánh mì Roggen có giá 9 kreuzer (đơn vị tiền tệ của nước Đức thời bấy giờ); 4 bánh mì tổng hợp giá 9 kreuzer; 4 bánh mì sữa 7 Loth giá 2 kreuzer; 4 bánh mì sữa 3½ Loth giá 1 kreuzer; một ki lô gam thịt heo nướng giá 10 kreuzer... [23]

Người nông dân tiếp tục quanh quẩn bên các ngôi làng nơi họ là thành viên của các tổ chức sản xuất và quản lý các nguồn lực cộng đồng. Sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ và lạc hậu vẫn thống trị nền kinh tế các nhà nước thành viên của Liên bang Đức 1815–1866 đầu thế kỷ XIX [14, Tr. 132–168]. Cho đến những năm trước khi diễn ra cuộc Cách mạng 1848–1849, 315.000 trong tổng số 1.350.000 người ở Đại Công quốc Baden là thần dân của các địa chủ và quý tộc ở các khu vực nông thôn [25, Tr. 75]. Một số bộ phận dân cư nông thôn bắt đầu có tư duy chính trị về sự giới hạn của các không gian làng mạc của họ [22, Tr. 14] trong cuộc Cách mạng 1848–1849. Hệ quả là ngày 10 tháng 6 năm 1817, Chính phủ Công quốc Nassau thông báo với các quận về các biện pháp chính trị chống lại các dòng người di dân của các nhà nước khác và người Ba Lan di cư sang Mỹ qua con đường Nassau. Ngày 25 tháng 8 năm 1825, Chính phủ Công quốc Nassau tiếp tục thông báo cho quận Rüdeshheim về các bất ổn của an ninh công cộng mà một nhóm người muốn di cư sang Braxin gây ra [11].

Tóm lại, chính điều kiện sống khó khăn, địa vị xã hội thấp kém và nhu cầu tiến lên đã đưa những người nông dân tham gia vào các phong trào cách mạng những năm 1848–1849 như một trong những lực lượng tiên phong nhất. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng nông dân là một trong những lực lượng hăng hái và nhiệt tình nhất trong các phong trào cách mạng của quần chúng trong quá trình thống nhất nước Đức giữa thế kỷ XIX. Tuy nhiên, động lực cơ bản của họ lúc ấy mới chỉ dừng lại ở các vấn đề đời sống hàng ngày hơn là các mục tiêu chính trị trừu tượng và xa xăm. Chính vì thế, mặc dù có tinh thần cách mạng cao và rất hăng hái tham gia, nhưng người nông dân Đức giữa thế kỷ XIX thông thường không tự tổ chức thành phong trào cho riêng mình mà cần có sự dẫn dắt và lãnh đạo của giới trí thức tiểu tư sản cách mạng hoặc những người công nhân cấp tiến.

2.2. Giai cấp công nhân

Các thành tựu trong quá trình công nghiệp hoá sau năm 1850, đặc biệt ở Viên và các tỉnh như Bohemia và Galicia, đã tạo ra những thay đổi kinh tế và xã hội theo hướng tạo điều kiện cho sự ra đời của một giai cấp vô sản đô thị và một tầng lớp trung lưu công nghiệp mới [7]. Trong những năm 1848–1849, khoảng 6.000 công nhân ở Công quốc Nassau làm việc trong lĩnh

vực khai thác than và công nghiệp chế tạo sắt [20, Tr. 97, 98]. Số lượng những người thợ giày cũng tăng từ 1.804 người năm 1818 lên đến 3.010 người năm 1865 [19, Tr. 107]. Năm 1849, có khoảng 335 nhà máy với 17.105 công nhân ở Đại Công quốc Baden [25, Tr. 23]. Số lượng này trên phạm vi toàn nước Đức được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Số thợ thủ công ở Đức trong những năm 1800–1847 trong phạm vi biên giới của Đế chế Đức 1871

Đơn vị tính: người

STT	Ngành nghề	Năm	
		1800	1846/47
1	Thợ cá	820.000	1.070.000
2	Thợ giúp việc	410.000	930.000
3	Tổng cộng	1.230.000	2.000.000

Nguồn: Nipperdey, Thomas (1998), *Deutsche Geschichte 1800–1866, Bürgerwelt und starker Staat*, Verlag C. H. Beck, München, S. 211

Năm 1846, 17,01% dân số của Vương quốc Phổ là những người làm công ăn lương hàng ngày. Chỉ có 4,08% trong số họ là công nhân nhà máy. Số lượng những người làm công ăn lương hàng ngày tăng lên nhanh chóng trong năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế 1846 [4, Tr. 54]. Năm 1864, Phổ có 2.218.944 người làm công ăn lương hàng ngày, chiếm tỷ lệ khoảng 12% dân số. Năm 1846, ít nhất 11,09% nam giới của Vương quốc Phổ trên 24 tuổi không có địa chỉ cư trú ổn định. Năm 1864, Phổ có 641.709 người thất nghiệp, chiếm 3,47% dân số [17, Tr. 3]. Họ phải phụ thuộc vào quỹ từ thiện của cộng đồng để tồn tại [4, Tr. 54]. Tỷ lệ thợ thủ công trong dân số được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ thợ thủ công trong lực lượng lao động ở Đức những năm 1800–1847 trong phạm vi lãnh thổ Đế chế Đức 1871

STT	Ngành nghề	Năm	
		1800	1846/47
1	Tỷ lệ thợ thủ công trong lực lượng lao động (%)	12,0	12,4
2	Tỷ lệ gia đình thợ thủ công trong tổng dân số (%)	17,0	16,0

Nguồn: Nipperdey, Thomas (1998), *Deutsche Geschichte 1800–1866, Bürgerwelt und starker Staat*, Verlag C. H. Beck, München, S. 211

Cùng lúc đó, phần lớn các giai tầng lớp dưới của Liên bang Đức 1815–1866 phải chịu đựng một cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề trong năm 1816 và 1847, nhưng đặc biệt nghiêm trọng là những người công nhân và giới thợ thủ công [1, Tr. 59–65, 94–105]. Ở Vương quốc Phổ

trong những năm trước khi diễn ra cuộc Cách mạng 1848–1849, khả năng tồn tại của những người thợ dệt thậm chí còn có vấn đề hơn. Khoảng từ 70.000 đến 108.327 thợ dệt lành nghề đạt được mức sống của thợ cày; 38.327 trong số họ có thể được xếp vào hạng của những người công nhân bình thường. Mặc dù 30.000 trong số 97.765 chủ hiệu buôn hoặc tiệm bánh của nhiều loại khác nhau như lái buôn lương thực có thể được xếp vào hạng trung, nhưng 63.765 người thực sự chỉ có mức sống của một người công nhân [16, Tr. 13, 14]. Trong khi đó, điều kiện sống của các nhạc sỹ phụ thuộc căn bản vào đời sống kinh tế của những người bình thường và công nhân lao động, nhưng phần lớn trong số họ thậm chí còn thuộc vào tầng lớp có thu nhập thấp hơn cả những người công nhân lớp dưới. Chính vì lý do này, có đến 50.000 trong số 83.594 người có thể được liệt kê vào nhóm trung lưu, trong khi 33.594 người thuộc nhóm công nhân thực thụ [16, Tr. 14] ở Vương quốc Phổ trong những năm 1848–1849. Tuy nhiên, tình hình này diễn ra không đồng đều giữa các nhà nước thành viên của Liên bang Đức 1815–1866.

Bảng 3. Thu nhập của người làm công ăn lương ở Đức trong những năm 1810–1849

Đơn vị tính: Mark Đức năm 1913, tỷ lệ phần trăm

ST T	Năm	Thu nhập danh nghĩa		Chi phí cuộc sống (1913 = 100)	Thu nhập thực tế (1913 = 100)
		Đồng Mark	1913 = 100		
1	1810	278	26	45	58
21	1830	288	27	51	53
39	1848	312	29	47	62

Nguồn: Nipperdey, Thomas (1998), *Deutsche Geschichte 1800–1866, Bürgerwelt und starker Staat*, Verlag C. H. Beck, München, S. 225

Thu nhập chính của một công nhân giảm khoảng 30% trong các nhà nước nói tiếng Đức trong những năm 1825 và 1848; 40% ở Pháp [9, Tr. 31]. Mức độ biến động của lương giữa 24 và 36 kreuzer cho một gia đình lao động làm nghề dệt vải sẽ cần khoảng 200 gulden cho các nhu cầu hàng ngày. 90% chi tiêu của dân số Công quốc Nassau được dùng cho ăn uống, nhà ở, trang phục, sưởi ấm và ánh sáng năm 1863 [2, Tr. 30]. Rất nhiều công nhân và thợ thủ công phải làm việc từ 15 đến 19 giờ mỗi ngày để có thể nuôi sống gia đình [4, Tr. 56, 57]. Điều kiện vật chất của các cư dân nghèo thậm chí còn tồi tệ hơn trong những năm trước Cách mạng 1848–1849 [9, Tr. 31].

Tóm lại, kết quả của một thập kỷ khủng hoảng của các công nhân lao động thủ công là một cuộc khủng hoảng cấu trúc [22, Tr. 15]. Rất nhiều thành phần xã hội của các bộ phận lớp dưới gần như không thể chịu đựng được hoàn cảnh hiện tại thêm nữa. Phần đông dân cư sống trong các điều kiện nghèo nàn và tạm bợ. Điều kiện sống của nhiều thành viên của giới tiểu tư sản, thợ cày... cũng không khác gì đời sống của những người công nhân là bao [16, Tr. 13]. Đó là

một thực tế về tình hình xã hội của Vương quốc Phổ trong những năm trước Cách mạng 1848–1849 và là nguồn gốc cho các xung đột xã hội không thể tránh khỏi trong quá trình giải quyết vấn đề nước Đức thế kỷ XIX. Tuy nhiên, trong những năm diễn ra cuộc Cách mạng 1848–1849, vẫn chưa thể nói về sự ra đời của một giai cấp công nhân mang tính dân tộc theo nghĩa hiện đại ở Liên bang Đức 1815–1866. Mặc dù vậy, các hoạt động không biết mệt mỏi của K. Marx và F. Engels thời gian này chính là một trong những tiền đề quan trọng cho sự phát triển của con đường cách mạng trong quá trình thống nhất nước Đức 1848–1871.

2.3. Giai cấp tư sản

Giai cấp tư sản Đức chưa bao giờ là một lực lượng chính trị thống nhất trong một đất nước bị chia cắt nghiêm trọng, càng không thể là một giai cấp thuần nhất trong thực tế. Giai cấp tư sản Đức phát triển tương đối muộn trong so sánh với giới tư sản Anh, Pháp và Mỹ nhưng có được sự ổn định tương đối và hoạt động mạnh mẽ nhất thời kỳ đầu của Liên bang Đức 1815–1816. Mặc dù giới tư sản Đức giai đoạn này chủ yếu xuất thân từ trí thức nhân văn và quan chức hành chính, nhưng họ bắt đầu tập hợp lại thành một lực lượng chính trị để theo đuổi các mục tiêu chung mang tính thời đại của cả cộng đồng và đã có những hoạt động có tiếng vang nhất định bằng nhiều hình thức khác nhau.

Ví dụ, năm 1864, toàn thể Vương quốc Phổ có 289.775 người trong bộ máy hành chính nhà nước, chiếm tỷ lệ 1,57% dân số [17, Tr. 3]. Đây chính là một trong những nguồn cung cấp nhân lực quan trọng cho giới tư sản Đức lúc bấy giờ. Bên cạnh các hình thức hoạt động qua báo chí, diễn thuyết và hội họp, nghị viện non trẻ của một số nhà nước thành viên của Liên bang Đức 1815–1866 chính là một diễn đàn quan trọng và là một công cụ chính trị hiệu quả trong cuộc đấu tranh cho một nước Đức thống nhất và hiện đại của giới tư sản giữa thế kỷ XIX.

Về kinh tế, mặc dù chưa hình thành một giai cấp đại tư sản công thương nghiệp hùng mạnh, nhưng nước Đức đã có một đội ngũ thương nhân tương đối đông đảo giữa thế kỷ XIX. Năm 1844, 42,2% dân số của Đại Công quốc Baden là các tiểu thương; 4,9% là các nhà sản xuất; 35,2% là công nhân nông nghiệp và nông dân; 5,6% là những người làm công ăn lương hàng ngày. Tất cả họ đều kiếm được khoảng từ 18 cho đến 24 kreuzer mỗi ngày trong những năm 1830–1832, trong khi một cái bánh mì đã mất hết 20 kreuzer những năm 1847–1848 [25, Tr. 24, 25]. Trong khi đó, hơn 20.000 gia đình trong tổng số hơn 80.000 gia đình của Công quốc Nassau năm 1848 là các doanh nhân nhỏ [20, Tr. 494, 495].

Sau thất bại của cuộc Cách mạng 1848–1849, giai cấp tư sản đã chuyển sang thế bảo thủ và tiến đến gần hơn với các giới hạn của khuôn khổ truyền thống. Giới tư sản, đặc biệt là tư sản kinh tế, đã rút khỏi đời sống chính trị những năm 1850 với kinh nghiệm thất bại của những năm cách mạng 1848–1849. Đó là một trong những nguyên nhân chính cho sự chững lại của một thời kỳ quan trọng trong lịch sử tiến hóa của nước Đức thời cận đại. Tuy nhiên, giới tư sản

trở nên tự tin hơn với sự phát triển đáng kể của nền kinh và hình thành một diện mạo mới trong những năm cuối của thập niên 1850 [18, Tr. xxii, xxvii]. Năm 1815, Thủ tướng Công quốc Nassau nhận 7.000 gulden (đơn vị tiền tệ của nước Đức thời bấy giờ) tiền lương, trong khi các cấp phó và bộ trưởng nhận được 1.500–1.800 gulden mỗi năm. Từ năm 1841, lương Thủ tướng: 6.000 + 5.000 gulden, cố vấn chính phủ: 2.500 gulden, cố vấn y tế: 2.000 gulden.

Nhìn chung, giới tư sản Đức hăng say tham gia hoạt động cách mạng trong những năm 1848–1849 nhưng đều thất bại và phải rút lui khỏi sân khấu chính trị nước Đức trong nửa sau thế kỷ XIX [21, Tr. 809–819]. Đó chính là một trong những nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến con đường đặc biệt trong quá trình tiến lên hiện đại của cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu thời cận đại. Mặc dù vậy, việc nhường vũ đài chính trị liên bang lại cho các thế lực quân sự bảo thủ, về mặt khách quan, lại tạo điều kiện cho giới tư sản Đức giữa thế kỷ XIX có nhiều thời gian và điều kiện hơn để đầu tư cho phát triển kinh tế. Hệ quả tích cực của quá trình này là kinh tế dân tộc của Đức đã vượt qua tất cả các cường quốc châu Âu và thế giới có cùng điều kiện tương tự về diện tích lãnh thổ và dân số đầu thế kỷ XX, trong khi giai cấp tư sản các nước ưu tiên đầu tư ra bên ngoài lại có xu hướng tụt lại phía sau về trình độ phát triển về mặt lâu dài.

2.4. Giai cấp quý tộc phong kiến

Giới quý tộc phong kiến chính là lực lượng đang nắm quyền thống trị trong 39 nhà nước thành viên của Liên bang Đức 1815–1866 đương thời và thực thi một hệ thống quyền lực độc tài đối với dân chúng của họ bằng quan liêu, cảnh sát và quân đội [12]. Giới quý tộc phong kiến của cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu thường có các hình thức không gian xã hội riêng của mình như Hiệp hội quý tộc (*Adelverein*), *Báo tân Phổ* hoặc *Báo Thánh giá*. Giới quý tộc Phổ thường tập trung vào tháng 8 cùng năm trong một tổ chức được gọi là quốc hội quý tộc (*Junkerparlament*) để bảo vệ quyền lợi của đại địa chủ. Đó cũng được xem như là hình thức đảng phái chính trị sơ khai đầu tiên của giới quý tộc phong kiến đương quyền của Vương quốc Phổ trong thực tế để bảo vệ các lợi ích kinh tế và bảo tồn hệ thống trật tự cũ của Phổ trước các thách thức và đe dọa đến từ các làn sóng cách mạng [28, Tr. 38, 39].

Cho dù có những thay đổi đáng kể về kinh tế và xã hội trong những năm 1815 và 1862, nước Đức về cơ bản vẫn là một nơi mà các lực lượng trung thành địa phương vẫn còn hết sức quan trọng đối với phần đông dân cư nông thôn. Sự ổn định của các vương triều cổ đại ở Phổ đã đảm bảo cho sự phát triển của tầng lớp địa chủ Junker có thể kiểm soát khu vực nông thôn, nơi có đến 90% dân số Phổ đang sinh sống. Những người phục vụ trong quân đội và hệ thống hành chính cũng trung thành với các lợi ích đang được đảm bảo bởi hệ thống hiện tồn và phản đối kịch liệt tất cả mọi hình thức thay đổi có thể có không nằm trong quỹ đạo vận hành của chính họ. Tình hình này là tương đối giống trong nhau khắp các nhà nước thành viên của Liên

bang Đức 1815–1866. Đó chính là một trong những trở ngại chính và là đối tượng của quá trình thống nhất cũng như quá trình tiến lên hiện đại của nước Đức giữa thế kỷ XIX.

Cùng lúc đó, giới quý tộc phong kiến, tuy đã cố gắng hội nhập với quá trình tiến lên hiện đại, không thể ngăn cản của thế giới đương đại; phần lớn vẫn muốn bảo tồn và duy trì các đặc quyền đặc lợi mang tính giai cấp vốn đã tồn tại hàng thế kỷ và đang trở thành những lực cản cần phá bỏ trên con đường tiến lên hiện đại của các dân tộc. Trừ một bộ phận nhỏ quý tộc phong kiến đã hội nhập thành công và trở thành quý tộc tư sản hoá, phần lớn giới quý tộc phong kiến đương quyền của thế giới nói tiếng Đức giữa thế kỷ XIX vẫn duy trì các hình thức quan hệ xã hội thời trung cổ bằng nhiều hình thức và ở những mức độ khác nhau. Họ chính là kẻ thù của quá trình hiện đại hoá và là đối tượng của quá trình thống nhất nước Đức 1848–1871.

Tóm lại, trong khi giai cấp tư sản các nước công nghiệp thường đảm đương sứ mệnh lãnh đạo quá trình hiện đại hoá đất nước của các dân tộc tư bản, sứ mệnh đó lại được giao cho giới quý tộc phong kiến đương quyền trong bối cảnh của cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức giữa thế kỷ XIX. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sứ mệnh đó không chia đều và phân phát công bằng cho tất cả các vương triều phong kiến đang nắm quyền cai trị trong các nhà nước thành viên của Liên bang Đức 1815–1866. Thay vào đó, sứ mệnh lãnh đạo quá trình thống nhất nước Đức lại chỉ có thể được đảm đương và hoàn thành bởi giới quý tộc phong kiến đương quyền của Vương quốc Phổ mà đại diện tiêu biểu nhất của họ về mặt quyền lực là nhà Hohenzollern, còn đại diện về mặt cá nhân là Thủ tướng Otto von Bismarck.

2.5. Vấn đề người Do Thái

Các nỗ lực cải cách trong lĩnh vực xã hội ở các nhà nước nói tiếng Đức đầu thế kỷ XIX gặp phải nhiều lực cản và để lại nhiều hệ quả không như mong muốn về lâu dài. Theo bản thảo kế hoạch cải cách của Hardenberg, người Do Thái cũng là các công dân bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ như các công dân khác của nhà nước. Việc sở hữu tài sản và ruộng đất cũng cho phép họ có thể được tiếp cận các vị trí trong các đô thị hoặc các trường đại học. Việc tự do tôn giáo và bảo tồn truyền thống văn hóa riêng của họ nay cũng được đảm bảo. Trong thời gian này, điều kiện pháp lý của người Do Thái ở Phổ về cơ bản tốt hơn rất nhiều so với các khu vực láng giềng ở phía Nam và phía Đông nước Đức. Điều này đã làm cho Phổ trở thành một địa chỉ hấp dẫn đối với những người Do Thái đang trong quá trình tìm kiếm chốn nương thân hàng thập kỷ trời sau đó [26, Tr. 408].

Trong bối cảnh chung đó, ngày 19 tháng 5 năm 1846, đại biểu Eberhard có một bài phát biểu nói về quyền bình đẳng của người Do Thái trong một phiên họp của Hạ viện Công quốc Nassau. Đại biểu này miêu tả tình trạng khốn khổ của người Do Thái trong các nhà nước thành viên của Liên bang Đức 1815–1866 vì sự đàn áp của nhà nước và phân biệt đối xử của xã hội. Trên cơ sở thực tiễn đó, Eberhard yêu cầu nhà nước công nhận các quyền bình đẳng đầy đủ

cho người Do Thái như tất cả các thần dân khác [24, Tr. 508]. Mặc dù vậy, Quyết định ngày 26 tháng 9 năm 1861 mới đặt dấu chấm hết cho một thế kỷ phân biệt đối xử với người Do Thái trong các toà án. Từ đó, người Do Thái có nhiều điều kiện để phát triển và hội nhập tốt hơn vào đời sống xã hội Đức (Bảng 4).

Bảng 4. Tình hình tôn giáo ở Công quốc Nassau

Đơn vị tính: người

Năm	Tổng dân số	Tin lành – Công giáo	Thiên chúa	Mennonites	Thiên chúa Đức	Do Thái
1819	301.913	161.165	135.041	172	–	5.535
1830	351.874	186.183	159.722	192	–	5.777
1845	417.708	220.319	190.467	143		6.779
1854	428.819	223.738	197.655	221	247	6.958
1865	465.636	242.657	215.494	162	328	6.995

Nguồn: tổng hợp từ *Herzogtum Nassau, Staats- und Adreß-Handbuch des Herzogtums Nassau für das Jahr 1819–1866*, Wiesbaden

Bảng 4 cho thấy rằng mặc dù được phân chia theo tôn giáo, nhưng những người Do Thái về cơ bản cũng đồng thời được phân chia theo dân tộc. Người Do Thái không phải là tôn giáo và dân tộc thiểu số yếu nhất về mặt số lượng, nhưng tốc độ và điều kiện phát triển của họ thì tương đối có vấn đề. Cụ thể, từ năm 1819 đến năm 1865, dân số và tín đồ đạo Do Thái ở Công quốc Nassau chỉ tăng thêm 1460 người, tương đương với 26,37%. Tuy nhiên, trong cùng kỳ thời gian, số này ở người Tin lành – Công giáo là 81.492 người, tương đương với 50,56%; ở người Thiên chúa là 80.453 người, tương đương với 59,57%. Trong khi đó, tổng số dân của Công quốc Nassau trong cùng kỳ thời gian tăng 163.723 người, tương đương với 54,22%. Điều đó chứng tỏ rằng cơ hội phát triển của người Do Thái ở Liên bang Đức 1815–1866 rất khó khăn.

Tóm lại, những năm giữa thế kỷ XIX là một thời kỳ mà xã hội Đức không chỉ bị chia rẽ về chính trị, xung đột về lợi ích kinh tế, mà còn chứa đựng những mâu thuẫn về mặt xã hội giữa các giai cấp và tập đoàn không dễ gì có thể giải quyết được trong một sớm một chiều bằng các công cụ chính trị hiện thời đơn thuần. Điều đó chứng tỏ rằng nước Đức đang đứng trước những biến động lớn về chính trị và xã hội không thể tránh khỏi. Chính vì thế, đến giữa thế kỷ XIX, nước Đức đã hội tụ gần như đầy đủ tất cả các yếu tố về cả kinh tế, chính trị, lẫn văn hoá xã hội cho một cuộc cách mạng dưới ngọn cờ thống nhất đất nước.

3. Kết luận

Đến giữa thế kỷ XIX, tình hình nước Đức không thể giữ nguyên hiện trạng như cũ. Liên bang Đức 1815–1866 ngay từ lúc mới ra đời đã là một bộ trang phục vừa thừa vừa thiếu đối với đa phần cộng đồng các cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu. Trong bối cảnh đó, điều kiện kinh tế, khó khăn và mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt đã uơm mầm cho các ngọn lửa cách mạng âm thầm trong đa phần dân chúng. Giới quý tộc phong kiến đương quyền thay vì đáp ứng các nhu cầu tất yếu của thời đại bằng các cuộc cải cách và đổi mới, lại chú trọng siết chặt các hình thức bóc lột và thống trị. Tuy nhiên, các yếu tố mới của nước Đức, mặc dù rất thuận lợi trên phương diện giáo dục và văn hoá, lại không đủ mạnh mẽ, thống nhất và thực tế để có thể thách thức trật tự hiện tồn ở mức mà một thay đổi triệt để là không thể khác được. Tất cả các điều kiện xã hội đó đã đặt cộng đồng cư dân nói tiếng Đức ở Trung Âu giữa thế kỷ XIX vào một hoàn cảnh không thể không đứng lên. Điều đó trong thực tế cũng chính là tiền đề xã hội cho quá trình thống nhất nước Đức 1848–1871.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bergmann, Jürgen (1986), *Wirtschaftskrise und Revolution, Handwerker und Arbeiter 1848/49*, Klett-Gotta, Stuttgart, S. 59–65 und 94–105.
2. Blum, Peter (1987), *Staatliche ArmenfürsorgeimHerzogtum Nassau 1806–1866*, Selbstverlag der Historischen Kommissionfür Nassau, Wiesbaden.
3. Clapham, J. H. (1936), *The Economic Development of France and Germany: 1815–1914*, Cambridge University Press, S. 7–27.
4. Drefßen, Wolfgang (1999), *Gesetz und Gewalt, Berlin 1848, Revolution als Ordnungsmacht*, Taschenbuch Verlag, Berlin.
5. Duewel, Sven (2008), *Die Diskussionen um eine Reform der Reichsverfassung in den Jahren von 1763 bis 1803, Eine Verfassungsstudie auf der Grundlage ausgewählter publizistischer Schriften der damarligen Zeit*, Verlag der Dr. Kovac, Hamburg.
6. Eichler, Volker (be.) (1985), *Nassauische Parlamentsdebatten, Band 1: Restauration und Vormärz 1818–1847*, Historische Kommission für Nassau, Wiesbaden.
7. Engels, Friedrich (1969), *Condition of the Working Class in England*, Panther Edition, Institute of Marxism-Leninism, Moscow, trong: <https://www.marxists.org/archive/marx/works/download/pdf/condition-working-class-england.pdf> (truy cập ngày 15 tháng 7 năm 2017).
8. Habakkuk, H. J. and Postan, M. (1966), *The Cambridge Economic History of Europe, Volume VII: The Industrial Revolutions and after: Incomes, Population and Technological change (1)*, Cambridge University Press, Cambridge.

9. Hachtmann, Rüdiger (2002), *Epochenschwelle zur Moderne, Einführung in die Revolution von 1848/49*, edition diskord, Tübingen.
10. *Herzogtum Nassau, Staats- und Adreß-Handbuch des Herzogtums Nassau für das Jahr 1819*, Wiesbaden, gedruckt bei L. Schellenberg Hofbuchhändler und Hofbuchdrucker.
11. Hessisches Hauptstaatsarchiv Wiesbaden, Abt: 238 (Amt Rüdesheim), Nr. 118: Labdesregierung Acta generalie-die öffentliche Sicherheit insbesondere Volksversammlungen.
12. <http://www.bpb.de/geschichte/deutsche-geschichte/grundgesetz-und-parlamentarischer-rat/39184/1848-1871?p=all> (truy cập ngày 1 tháng 4 năm 2016).
13. Koch, Werner und Koch, Rainer (1989), *Hessen in der Revolution von 1848–1849*, Hessische Landeszentrale für politische Bildung, H. Kunz Verlag, Kelheim.
14. Kratz, Bernd (2008), "Hans Stauffer: A Farmer in Germany Before his Emigration to Pennsylvania," *Genealogist*, 22 (2), pp. 132–168.
15. Lerner, Franz (1965), *Wirtschafts- und Sozialgeschichte des Nassauer Raumes 1816–1964*, Herausgegeben von der Nassauischen Sparkasse anlässlich der 125jährigen Wiederkehr des Tages ihrer Gründung am 22. Januar 1840, Wiesbaden.
16. Obermann, Karl (ed.) (1972), *Flugblätter der Revolution 1848–1849 (dokumente)*, dtvWissenschaftliche Reihe, Deutscher Taschenbuch Verlag GmbH & Co. KG, München.
17. Riederstetter, J. (1867), *Staat=Almanach für das Königreich Preussen, als Ergänzung Königlichen Preussischen Staats=Kalender auf dem Gebiete der Statistik, der Geographie und der Innern Verwaltung*, Carl Zepmann's Verlag, Berlin.
18. Rösner, Cornelia (be.) (1997), *Nassauische Parlamentarier, ein biographisches Handbuch, Teil 1: Der Landtag des Herzogtums Nassau 1818–1866*, Historische Kommission für Nassau, Wiesbaden, S. XXII, XXVII.
19. Schüler, Winfried (1981), *Sozialstruktur und Lebensstandard, trong: Herzogtum Nassau 1806–1866, Politik-Wirtschaft-Kultur, Eine Ausstellung des Landes Hessen und der Landeshauptstadt Wiesbaden unter der gemeinsamen Schirmherrschaft S.K.H. des Prinzen Henri, Erbgroßherzog von Luxemburg, Prinz von Nassau und des Hessischen Ministerpräsidenten Holger Börner*, Museum Wiesbaden, 5. April bis 26. July 1981.
20. Schüler, Winfried (Hrg., eig., be.) und Reyer, Herbert (be.) (2010), *Nassauische Parlamentsdebatten, Band 2: Revolution and Reaktion 1848–1866*, Historische Kommission für Nassau, Wiesbaden.
21. Sheehan, James J (1989), *German History, 1770–1866*, Oxford University Press, Oxford and New York, pp. 809–819.

22. Siemann, Wolfram (2006), 1848–1849 in Deutschland und Europa, Ereignis-Bewältigung-Erinnerung, Ferdinand Schöningh, Paderborn.
23. Taunusbote (1848), „Intelligenz ist Macht.“ Geschichte.-Landwirtschaft.-Gemeinnützige Unternehmungen, Amtsblatt für die Ämter: Usingen, Idstein, Königsten und Höchst, Nr. 30. Usingen, Samstag, den 22 Juli 1848, 8. Jahrgang.
24. Verhandlungen der Landesdeputiertenversammlung des Herzogtums Nassau im Jahr von 1846, Wiesbaden, S. 508.
25. Vollmer, Franz X. (1979), Vormärz und Revolution 1848/49 in Baden, Strukturen, Dokumente, Fragestellungen, Verlag Moritz Diesterweg, Frankfurt am Main.
26. Wehler, Hans-Ulrich (1987), Deutsche Gesellschaftsgeschichte, Erster Band: Vom Feudalismus des alten Reiches bis zur defensiven Modernisierung der Reformära 1700–1815, C. H. Beck, München.
27. Wehler, Hans-Ulrich, Der deutsche Nationalismus, trong: <http://gepeskonyv.btk.elte.hu/adatok/Germanisztika/111Balk%E1nyi/Horv%E1thPabis/17-Der%20deutsche.pdf> (truy cập ngày 11 tháng 3 năm 2016).
28. Zeller, Ulrich (1948), *Der Ablauf der Ereignisse*, trong: Keil, Wilhelm (Hrg.) (1948), *Deutschland 1848–1948*, Im Verlag „Volkswille“ Max Denker Stuttgart.

SOCIAL CIRCUMSTANCES OF THE GERMAN UNIFICATION 1848–1871

Nguyễn Mau Hùng

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. The German Confederation 1815–1866 was an assembly of independent and sovereign states. The existence of these states was the origin of the nineteenth-century German question and the object of the German Unification 1848–1871. However, reality shows that these states did not belong to all members of the communities. They were more exactly the political tools of the feudal nobility, employed to rule the German-speaking communities in Central Europe and an international solution of European powers at the Congress of Vienna in 1815 to keep peace and security in Central Europe. The aristocracy, in general, and monarchies, in particular, were, therefore, also the hindrance of the modernization of Germany in the middle of the nineteenth century. In such circumstances, the bourgeoisie was normally the leader of the national modernization, like in the western countries, with the support of the people. However, in Germany, the object of the German question was also the key to the German unification 1848–1871.

Keywords: social circumstance, bourgeoisie, feudal aristocracy, national modernization, German Confederation 1815–1866